



VASS ASSURANCE CORPORATION

Today Not Tomorrow

Số: 327/2015/QĐ -VASS/TGD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

(V/v ban hành Quy tắc, biểu phí bảo hiểm Tự nguyện Xe cơ giới)



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

- Căn cứ Giấy phép Thành lập và hoạt động số 23GP/KDBH cấp ngày 07/11/2003 và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Trưởng Bộ Tài chính cấp cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông;
- Căn cứ Công văn số 12864/BTC-QLBH ngày 12/9/2014 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận thay đổi Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông ngày 11/12/2003 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 12/09/2007 và ngày 21/02/2013;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành văn bản "**Quy tắc, biểu phí bảo hiểm Tự nguyện Xe cơ giới**" của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông.
- Điều 2:** Phòng Bảo hiểm Xe cơ giới có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện nội dung "**Quy tắc, biểu phí bảo hiểm Tự nguyện Xe cơ giới**" kèm theo Quyết định này cho các đơn vị kinh doanh trực thuộc.
- Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và thay thế Quyết định số 587/2012/QĐ-VASS/TGD ngày 05/9/2012 về việc ban hành Quy tắc bảo hiểm Tự nguyện Xe cơ giới.
- Điều 4:** Thành viên Ban Tổng giám đốc, Lãnh đạo các Phòng/Ban, các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để thi hành);
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT, Phòng NV liên quan.



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG DIỆP ĐẠI KHOA

QUY TẮC

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3437/2015/QĐ-VASS/TGD ngày 30/12/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông)

Trên cơ sở Giấy yêu cầu tham gia bảo hiểm của Chủ xe/Người đại diện chủ xe và phí bảo hiểm Chủ xe đã nộp theo quy định, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (dưới đây gọi là VASS) nhận bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

- Xe cơ giới** trong quy tắc này bao gồm: xe không kinh doanh (chở người và/hoặc chở hàng), xe bán tải (pick-up), xe chở tiền ngân hàng, xe kinh doanh chở người theo hợp đồng, xe kinh doanh vận chuyển khách du lịch, xe kinh doanh vận tải hành khách, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe buýt, xe taxi, xe tập lái, xe tải ben, xe đông lạnh, xe chuyên dùng, xe thi công, xe đầu kéo, Rơ-mooc.
- Chủ xe** (tổ chức, cá nhân) là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, điều khiển xe cơ giới.
- Bên thứ ba** là những người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng và/hoặc tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:
 - Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó;
 - Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó;
 - Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
- Hành khách** là người được chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển hành khách thuộc các hình thức quy định trong Bộ luật Dân sự.

Điều 2: Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm (HĐBH/GCNBH)

Bộ Hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

- Giấy yêu cầu bảo hiểm** (theo mẫu của VASS) có chữ ký của Chủ xe hoặc Người đại diện chủ xe là văn bản thể hiện nội dung yêu cầu bảo hiểm của Chủ xe và là cơ sở để VASS thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Đây là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.
- Hợp đồng bảo hiểm (HĐBH)** là văn bản thỏa thuận giữa Chủ xe và VASS, theo đó Chủ xe và VASS phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung điều kiện, điều khoản được thống nhất trong HĐBH và trong phạm vi điều chỉnh của quy tắc này.
- Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH)** do VASS cấp theo yêu cầu bảo hiểm của Chủ xe là bộ phận không thể tách rời Hợp đồng bảo hiểm; Là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp không ký kết Hợp đồng bảo hiểm và các mối quan hệ được thiết lập trên cơ sở điều chỉnh theo quy tắc này.
- Các sửa đổi bổ sung, các thỏa thuận khác được lập thành văn bản giữa Chủ xe và VASS cũng là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm trong quá trình thực hiện Hợp đồng bảo hiểm giữa Chủ xe và VASS.

Điều 3: Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm/mức trách nhiệm bảo hiểm

Phí bảo hiểm là một khoản tiền mà Chủ xe mua bảo hiểm phải đóng cho VASS để được VASS bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra.

Số tiền bảo hiểm/Mức trách nhiệm bảo hiểm là số tiền tối đa mà VASS có thể phải trả cho những thiệt hại về người và/hoặc tài sản trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại quy tắc này.

Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm/Mức trách nhiệm bảo hiểm được ghi rõ trên HĐBH/GCNBH.

Điều 4: Thời hạn và hiệu lực bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm được ghi nhận chi tiết trên HĐBH/GCNBH.

Hiệu lực bảo hiểm chỉ phát sinh khi Chủ xe đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

2. Trong thời hạn bảo hiểm còn hiệu lực, trường hợp có chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với Chủ xe mới trừ trường hợp Chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5: Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp Chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm:

Chủ xe phải có nghĩa vụ đóng đầy đủ phí bảo hiểm được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm. Quá thời gian quy định trên Chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên bị chấm dứt.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực, Chủ xe phải đóng đủ phần phí bảo hiểm tương ứng với thời gian đã được bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. VASS không có trách nhiệm hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm được VASS trả tiền bồi thường.

Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực kể từ thời điểm Chủ xe đóng đủ phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm dưới sự đồng ý bằng văn bản của VASS.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm:

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

- Trường hợp Chủ xe chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo cho VASS bằng văn bản. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày VASS nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ xe, nếu VASS không có ý kiến gì thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt và VASS sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của xe được bảo hiểm. VASS không hoàn phí trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm mà VASS đã hoặc sẽ bồi thường cho xe xảy ra tổn thất.
- Trường hợp VASS đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày VASS thông báo bằng văn bản cho Chủ xe, VASS sẽ hoàn lại cho Chủ xe 100% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của xe được bảo hiểm.

Điều 6: Trách nhiệm của Chủ xe, Người điều khiển xe

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe hoặc Người đại diện của Chủ xe phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm (Phụ lục 01);
2. Khi tham gia bảo hiểm, Chủ xe hoặc Người đại diện của Chủ xe phải yêu cầu VASS giải thích Quy tắc bảo hiểm nếu chưa hiểu rõ về nội dung các điều kiện, điều khoản trong quy tắc bảo hiểm này;

3. Tạo điều kiện thuận lợi để VASS xem xét tình trạng xe trước khi cấp HDBH/GCNBH;
4. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức thanh toán đã thỏa thuận.
5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
6. Trường hợp có thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm (thay đổi mục đích sử dụng xe, hoán cải, nâng cấp), trong vòng 15 ngày Chủ xe phải thông báo ngay bằng văn bản cho VASS biết để điều chỉnh phí bảo hiểm cho phù hợp (nếu có).
7. Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe và/hoặc Người điều khiển xe phải có trách nhiệm:
 - 7.1. Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất, bảo vệ tài sản, đồng thời báo ngay (bằng bất kỳ hình thức nào) cho Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan Công an và VASS nơi gần nhất để phối hợp giải quyết tai nạn ;
 - 7.2. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất, Chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho VASS (Phụ lục 02);
 - 7.3. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của VASS, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn cho người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
8. Chủ xe và/hoặc Người điều khiển xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho VASS trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
9. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Bên thứ ba, Chủ xe phải bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho VASS kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với VASS để truy đòi Bên thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được VASS bồi thường;
10. Khi xe cơ giới bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, Chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và VASS được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và VASS.

Điều 7. Trách nhiệm của VASS

1. Giải thích cho Chủ xe hoặc Người đại diện của Chủ xe về Quy tắc, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe khi tham gia bảo hiểm;
2. Phối hợp với Chủ xe/Người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất;
3. Hướng dẫn Chủ xe/Người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 9 quy tắc này;
4. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, VASS sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm, VASS có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất;
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp VASS phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trong trường hợp VASS không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày VASS có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì VASS sẽ chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường theo nhận định của VASS.

6. Trường hợp từ chối bồi thường, VASS phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe nêu rõ lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày VASS nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.
7. Đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ xe cho việc thay đổi mục đích sử dụng/hoán cải/nâng cấp xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 8: Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra tổn thất, VASS hoặc Người được ủy quyền của VASS sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của Chủ xe/Người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. VASS chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp Chủ xe/Người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do VASS xác định, hai bên thỏa thuận chọn Cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền khởi kiện tại Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe/Người điều khiển xe để chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên. Nếu kết luận của giám định độc lập khác với kết luận của VASS thì VASS chịu trách nhiệm về chi phí giám định độc lập, ngược lại kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của VASS thì Chủ xe phải trả chi phí giám định độc lập.
3. Trường hợp đặc biệt, VASS không thể thực hiện được việc giám định thì VASS có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe/Người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 9: Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Đối với từng trường hợp cụ thể Chủ xe/Người được Chủ xe ủy quyền yêu cầu bồi thường có trách nhiệm cung cấp và/hoặc phối hợp với VASS thu thập bao gồm một hoặc nhiều loại chứng từ, tài liệu sau:

1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của Chủ xe (bản gốc theo mẫu của VASS)
2. Tài liệu liên quan đến xe, Người điều khiển xe (bản sao y hoặc bản photocopy có xác nhận của VASS sau khi đối chiếu với bản chính):
 - Giấy CNBH/HĐBH và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của Người điều khiển xe bị tổn thất;
 - Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);
 - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tại Việt Nam).
3. Nhóm hồ sơ liên quan đến tai nạn (bản gốc hoặc bằng sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an):
 - Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - Biên bản khám nghiệm hiện trường;

- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;
- Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn;
- Biên bản giải quyết tai nạn; Bản kết luận điều tra của Cơ quan có thẩm quyền
- Các biên bản thỏa thuận giải quyết giữa các bên liên quan (nếu có); Giấy bãi nại; Chứng từ trả tiền cho người bị hại;
- Bản án hoặc Quyết định của Toà án (trường hợp có tranh chấp tại Toà án);
- Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của Bên thứ ba (trong trường hợp tổn thất do Bên thứ ba gây ra);

4. Các chứng từ xác định thiệt hại do tai nạn:

- ❖ *Đối với trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:* Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có thẩm quyền và có xác nhận của cơ quan công an; Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm; Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm; Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất trộm, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an.
- ❖ *Đối với thiệt hại về hàng hóa trong bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe (Chương II):* Biên bản giám định thiệt hại và hình ảnh; Khiếu nại của chủ hàng; Nguồn gốc, giá trị hàng như: Hợp đồng vận chuyển, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hóa đơn mua bán hàng hóa; Chứng từ bồi thường của Chủ xe.
- ❖ *Đối với thiệt hại về người:* các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tật của nạn nhân như: Giấy ra viện; Giấy chứng thương; Giấy chứng nhận phẫu thuật; Hóa đơn viện phí, thuốc; Giấy chứng tử hoặc các tài liệu chứng minh khác như biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận điều tra của cơ quan công an có ghi nhận về tử vong, bản án của tòa án có ghi nhận tử vong.
- ❖ *Đối với thiệt hại về tài sản trong bảo hiểm Trách nhiệm dân sự đối với Bên thứ ba (Chương IV):* Biên bản giám định thiệt hại tài sản và hình ảnh; Bảng dự toán khắc phục thiệt hại và Hóa đơn sửa chữa (nếu có).

5. Các tài liệu khác liên quan đến tai nạn (nếu có).

Điều 10: Loại trừ bảo hiểm chung (Không áp dụng đối với chương III)

VASS không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe, Người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, quản lý, khai thác và sử dụng xe;
2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ như: không có Giấy phép lái xe; mất Giấy phép lái xe; Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe; Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; hiệu lực của Giấy phép lái xe không phù hợp tại thời điểm xảy ra tai nạn; người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe;
4. Khi đang điều khiển xe mà trong máu, hơi thở của Người điều khiển xe có nồng độ cồn hoặc trong cơ thể có chất ma túy và các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;
5. Vận chuyển hàng cấm, hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định của pháp luật;
6. Đua xe (hợp pháp hay trái phép); Chạy thử xe sau khi sửa chữa; Xe sử dụng để tập lái (trừ khi có thỏa thuận khác); Xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật;

7. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của Người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định;
8. Xe chở quá 50% trọng tải, số lượng người theo quy định trong giấy chứng nhận đăng kiểm. Chạy quá tốc độ trên 50% theo quy định của pháp luật;
9. Tồn thất xảy ra ngoài lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
10. Chiến tranh, khủng bố và các nguyên nhân tương tự như nội chiến, bạo động, đình công.

Điều 11: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của VASS là 90 ngày kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo kết quả giải quyết bồi thường của VASS. Quá thời hạn nêu trên VASS sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu VASS và Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết.

Điều 12: Bảo hiểm trùng (Không áp dụng đối với Chương III)

Bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết theo nhiều GCNBH/HĐBH trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các GCNBH/HĐBH không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các GCNBH/HĐBH: VASS chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các GCNBH/HĐBH mà Chủ xe đã tham gia bảo hiểm.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các GCNBH/HĐBH, VASS chịu trách nhiệm bồi thường theo từng Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 13: Mức miễn thường

Có hai loại mức miễn thường:

- *Mức miễn thường không khấu trừ* là giá trị được thể hiện bằng số tiền cụ thể được ấn định trên HĐBH/GCNBH mà khi giá trị tổn thất lớn hơn giá trị này thì VASS sẽ bồi thường 100% giá trị tổn thất, còn nếu giá trị tổn thất nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này thì VASS không phải bồi thường cho Người được bảo hiểm.
- *Mức miễn thường có khấu trừ* là giá trị được thể hiện bằng số tiền cụ thể được ấn định trên HĐBH/GCNBH mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất. Đối với Hợp đồng bảo hiểm có mức miễn thường có khấu trừ thì khi số tiền chấp nhận bồi thường của VASS lớn hơn mức miễn thường thì VASS chỉ bồi thường số tiền vượt quá mức miễn thường, nếu thấp hơn VASS không bồi thường.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 14: Phạm vi bảo hiểm

VASS nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Chủ xe ô tô đối với hàng hoá vận chuyển theo hợp đồng vận chuyển giữa Chủ xe và Chủ hàng trong phạm vi lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HDBH/GCNBH, VASS sẽ thanh toán cho Chủ xe số tiền mà Chủ xe phải bồi thường theo quy định của Bộ Luật Dân sự đối với những thiệt hại về hàng hoá vận chuyển trên xe cho Chủ hàng.

Ngoài ra, VASS còn thanh toán cho Chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm:

1. Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá.
2. Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.
3. Giám định tổn thất.

Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của VASS (bao gồm cả chi phí) không vượt quá mức trách nhiệm ghi trên HDBH/GCNBH.

Điều 15: Loại trừ bảo hiểm

1. Thiệt hại do các trường hợp quy định tại Điều 10 Chương I *Loại trừ bảo hiểm chung* của quy tắc này;
2. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại, những thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra;
3. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: Vàng bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt;
4. Chủ xe, Người điều khiển xe không có trách nhiệm trông coi, bảo quản hàng hoá; Mất trộm, bị cướp (trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất toàn bộ xe do xe bị mất trộm, bị cướp);
5. Tổn thất hàng hoá do sự bất giữ của Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền;
6. Hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Chủ xe, Người điều khiển xe (trừ khi có thỏa thuận khác);
7. Tổn thất hàng hoá do bị xô lệch, va đập, bị thấm nước trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ; Hàng hóa hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, bao bì đóng gói, chất xếp hàng hóa không đúng theo yêu cầu kỹ thuật; Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận, giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu. Xe không phù hợp với các loại hàng chuyên chở;
8. Hàng hóa bị cháy không do lỗi của bên vận tải. Súc vật sống bị ốm chết do thời tiết hoặc bị dịch bệnh hoặc bị kiểm dịch hoặc bỏ chạy trong tai nạn.

Điều 16: Giảm trừ bồi thường

1. VASS thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau:

1.1 Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe/Người điều khiển xe không gửi Thông báo tổn thất bằng văn bản cho VASS trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất;
- Người điều khiển xe đỗ xe trên địa hình dốc nhưng không sử dụng hệ thống phanh, chèn bánh để xe tự trôi gây tổn thất.

1.2 Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe/Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; không thông báo ngay cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho VASS;
- Chủ xe/Người điều khiển xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của VASS. (trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an

toàn cho người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

- Điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50%.

1.3 Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người từ trên 20% đến 50% theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm.

1.4 Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi lại Bên thứ ba cho VASS kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với VASS để đòi lại Bên thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với Bên thứ ba gây thiệt hại cho VASS;
- Chủ xe/Người điều khiển xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; Không tạo điều kiện thuận lợi cho VASS trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

1.5 Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- Chủ xe kê khai Giấy yêu cầu bảo hiểm không đúng mục đích sử dụng của xe làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
- Chủ xe không thông báo cho VASS trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để thu phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng xe, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường:

Khi Chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, VASS sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

Điều 17: Mức miễn thường có khấu trừ

Trong mỗi vụ khiếu nại bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm, VASS áp dụng mức miễn thường có khấu trừ là 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm Chủ xe đã tham gia nhưng tối thiểu không dưới 500.000 VNĐ/vụ (Chủ xe tự chịu một phần thiệt hại).

Điều 18: Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM

TAI NẠN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 19: Đối tượng bảo hiểm

Người điều khiển xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 20: Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với Người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe, lái phụ xe tham gia vào quá trình hoạt động của xe.

Điều 21: Loại trừ bảo hiểm

1. Người được bảo hiểm có hành động cố ý gây thiệt hại;
2. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ;
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ; hơi thở hoặc trong máu Người được bảo hiểm có nồng độ cồn. (Chỉ áp dụng đối với Người điều khiển xe)
4. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật; Bị ngộ độc thức ăn, đồ uống và sử dụng thuốc không theo chỉ dẫn của cơ quan y tế hoặc trong người có các chất ma túy, các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng;
5. Xe sử dụng để tập lái, để đua (hợp pháp hay trái phép), chạy thử sau khi sửa chữa;
6. Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
7. Chiến tranh, khủng bố và các nguyên nhân tương tự như nội chiến, bạo động, đình công.

Điều 22: Quyền lợi của Người được bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm chết thuộc phạm vi bảo hiểm, VASS sẽ trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH/GCNBH.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể thuộc phạm vi bảo hiểm, VASS trả tiền như sau :
 - A. Đối với số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới 20 triệu đồng/người/vụ : VASS trả tiền bảo hiểm theo *Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do Bộ Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 05/TC-BH ngày 02/01/1993* hoặc theo chi phí điều trị hợp lý thực tế nhưng không vượt quá tỷ lệ trong bảng tỷ lệ thương tật.
 - B. Đối với số tiền bảo hiểm trên 20 triệu đồng/người/vụ:
 - ❖ Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, VASS trả tiền bảo hiểm theo *Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do Bộ Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 05/TC-BH ngày 02/01/1993* hoặc theo chi phí điều trị hợp lý thực tế nhưng không vượt quá tỷ lệ trong bảng tỷ lệ thương tật.
 - ❖ Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, VASS sẽ trả tiền bảo hiểm như sau:
 - a. Số tiền bồi thường = (tỷ lệ phần trăm của thương tật tạm thời quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật x 20 triệu đồng) + số tiền bảo hiểm x 0,1% x số ngày điều trị, tối đa không quá 180 ngày/vụ tai nạn.
 - b. Số ngày điều trị được xác định bởi một trong hai trường hợp sau, tùy số ngày nào ngắn hơn:
 - Số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện và điều trị sau khi xuất viện. Số ngày điều trị sau khi xuất viện được xác định theo chỉ định của Bác sỹ điều trị.
 - Số ngày nghỉ không đi làm do hậu quả của tai nạn được xác định theo xác nhận của đơn vị công tác.
3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số Người được bảo hiểm ghi trên GCNBH/HĐBH thì tiền bảo hiểm được trả sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số Người được bảo hiểm và số người trên xe.

Trẻ em dưới 7 tuổi được thanh toán 50% số tiền bảo hiểm theo những nguyên tắc trả tiền bồi thường trên đây.
4. Trường hợp bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong vòng một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn: VASS sẽ trả phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH/GCNBH với số tiền bảo hiểm đã trả trước đó.

5. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì VASS chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

Điều 23: Trả tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm.

CHƯƠNG IV

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI BÊN THỨ BA VÀ HÀNH KHÁCH TRÊN XE

Điều 24: Đối tượng, điều kiện bảo hiểm

Chủ xe tham gia giao thông trên lãnh thổ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

VASS nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với bên thứ ba và hành khách sau khi Chủ xe tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự tại VASS.

Điều 25: Phạm vi bảo hiểm

1. Thiệt hại về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra.
2. Thiệt hại về thân thể và tính mạng của hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách do xe cơ giới gây ra.

Điều 26: Loại trừ bảo hiểm

1. Thiệt hại do các trường hợp quy định tại Điều 10 Chương I *Loại trừ bảo hiểm chung* của quy tắc này;
2. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại;
3. Người điều khiển xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của Chủ xe, Người điều khiển xe;
4. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt;
5. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn;
6. Động đất, chiến tranh, khủng bố và các nguyên nhân tương tự như nội chiến, bạo động, đình công.

Điều 27: Nguyên tắc bồi thường

1. Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với bên thứ ba và hành khách ghi trên HDBH/GCNBH, VASS có trách nhiệm thanh toán cho Chủ xe số tiền vượt mức trách nhiệm dân sự bắt buộc mà Chủ xe phải bồi thường cho người bị thiệt hại do việc sử dụng xe cơ giới gây ra theo mức bồi thường tại khoản 3 Điều 34.

Trường hợp Chủ xe chết hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn, VASS sẽ bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại.

2. Trường hợp cần thiết, VASS sẽ tạm ứng ngay những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nhằm khắc phục hậu quả tai nạn.
3. Mức bồi thường bảo hiểm cụ thể như sau :

- 3.1 Thiệt hại về người: Số tiền bồi thường phần tăng thêm được tính theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do Bộ Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 05/TC-BH ngày 02/01/1993 theo mức độ lỗi của Chủ xe nhưng không vượt quá hòa giải và vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.
- 3.2 Thiệt hại về tài sản: Mức bồi thường cụ thể đối với thiệt hại về tài sản trong một vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của Chủ xe nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

PHỤ LỤC 01

GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM &
BẢN ĐÁNH GIÁ RỦI RO XE ÔTÔ

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM			
Người yêu cầu bảo hiểm:			
Người được bảo hiểm (chủ xe):			
Ngày sinh/thành lập công ty:		Mã số thuế /Số CMND:	
Địa chỉ:			
Điện thoại bàn:		ĐT di động:	Fax:
Địa chỉ email:			
Người được thụ hưởng bảo hiểm: (*là người có quyền lợi liên quan hợp pháp)			
Ngày sinh/thành lập công ty:		Mã số thuế /Số CMND:	
Địa chỉ:			
Điện thoại bàn:		ĐT di động:	Fax:
Địa chỉ email:			
Lái xe:		Ngày sinh:	
Số CMND:		Ngày cấp giấy phép lái xe:	
II. THÔNG TIN XE ĐƯỢC BẢO HIỂM			
Biển kiểm soát:		Số khung:	Số máy:
Hãng xe:		Hiệu xe:	Số chỗ/Trọng tải:
Năm sx:		Nơi sản xuất:	Ngày đăng ký xe:
Giá trị thực tế của xe: đồng			
Mục đích sử dụng	☐ Xe không kinh doanh (chở người hoặc chở hàng); Xe bán tải (pick-up).	☐ Xe buýt	☐ Xe tải ben
	☐ Xe chở tiền ngân hàng	☐ Xe Taxi	☐ Xe đông lạnh
	☐ Xe chở người theo hợp đồng; Xe vận chuyển khách du lịch	☐ Các loại xe thi công	☐ Xe đầu kéo
	☐ Xe kinh doanh vận chuyển hành khách	☐ Các loại xe chuyên dùng (còn lại)	☐ Xe Rơ moóc
	☐ Xe kinh doanh vận tải hàng hóa. Loại hàng hóa chuyên chở:		
Tuyến đường xe chạy thường xuyên:		Số km hiện tại (hiển thị trên đồng hồ xe):	
Các thiết bị kèm theo trên xe: ☐ Không			
☐ Có, ghi rõ (hoặc kèm theo danh sách):.....			
Tình trạng xe lúc yêu cầu bảo hiểm (ghi chi tiết bộ phận hư hỏng/trầy xước nếu có):			
Nơi đỗ xe thường xuyên/cất xe:			
Bảo dưỡng, kiểm tra an toàn kỹ thuật theo định kỳ:		☐ Không ☐ Có, số lần...../năm	
Quy định, nội quy an toàn lái xe:		☐ Không ☐ Có	
* Ghi chú: Nếu số lượng xe nhiều hơn 1 chiếc, xin vui lòng lập bảng kê danh sách xe tham gia bảo hiểm theo các nội dung trên.			

III. PHẠM VI YÊU CẦU BẢO HIỂM	Tham gia	Mức trách nhiệm/Số tiền bảo hiểm
Thiệt hại vật chất xe	☐	 đồng
Trách nhiệm dân sự	☐	TNDS bắt buộc Về người: triệu đồng/người/vụ Về tài sản: triệu đồng/vụ
		TNDS tự nguyện Về người: triệu đồng/người/vụ Về tài sản: triệu đồng/vụ
Tai nạn lái xe và người ngồi trên xe	☐	MTN: triệu đồng/người/vụ
Trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hoá vận chuyển trên xe	☐	MTN: triệu đồng/tấn

IV. BẢO HIỂM LỰA CHỌN THÊM NGHIỆP VỤ VẬT CHẤT XE	
☐ Không khấu hao khi thay mới	☐ Không khấu hao khi thay mới
☐ Mất cắp bộ phận	☐ Mất cắp bộ phận
☐ Thuê xe trong thời gian sửa chữa	☐ Thuê xe trong thời gian sửa chữa
☐ Xe lưu thông ngoài lãnh thổ Việt Nam	☐ Xe lưu thông ngoài lãnh thổ Việt Nam
☐ Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng	☐ Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng

V. ÁP DỤNG MỨC MIỄN THƯỜNG CÓ KHẤU TRỪ (VND) NGHIỆP VỤ VẬT CHẤT XE CHÍNH	
☐ 1.000.000	☐ 2.000.000
☐ 3.000.000	☐ 4.000.000
☐ Khác:	

VI. THÔNG TIN LOẠI HÌNH BẢO HIỂM THAM GIA TRƯỚC ĐÂY	
A) Công ty bảo hiểm:	B) Số tiền bảo hiểm:
C) Phí bảo hiểm năm:	D) Mức miễn thường:
E) Ngày hết hiệu lực:	F) Thông tin khác:
G) Các tổn thất, tai nạn trong 24 tháng gần nhất: Nếu có, Ngày tổn thất:/...../..... Nếu chi tiết, mức độ tổn thất:	☐ Không ☐ Có, số lần tổn thất:

VII. THỜI HẠN BẢO HIỂM	
Từ ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 20...	
Đến ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 20...	

Người yêu cầu bảo hiểm đã được tư vấn đầy đủ về đặc điểm, quyền lợi, trách nhiệm liên quan đến sản phẩm và phải có trách nhiệm khai báo đầy đủ và trung thực tất cả các sự kiện thực tế quan trọng liên quan đến đối tượng được bảo hiểm mà Người yêu cầu bảo hiểm biết hoặc lẽ ra nên biết theo Luật kinh doanh Bảo hiểm và/hoặc các văn bản pháp lý liên quan; nếu không Hợp đồng bảo hiểm được xác lập trên cơ sở lời khai của Người yêu cầu bảo hiểm có thể bị vô hiệu và sẽ không nhận được bất cứ quyền lợi gì từ Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Tên người yêu cầu: Ngày: ... / ... / ...
(Ký tên & đóng dấu công ty)

Cán bộ đánh giá: Ngày: ... / ... / ...
(Công Ty Bảo hiểm Viễn Đông)

Giám đốc đơn vị: Ngày: ... / ... / ...
(Công ty Bảo hiểm Viễn Đông)

PHỤ LỤC 02

THÔNG BÁO TAI NẠN VÀ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

1. Ngày giờ thông báo tai nạn:
2. Nội dung:

(Lưu ý quan trọng: Người kê khai phải cung cấp đầy đủ và trung thực các nội dung dưới đây. Bảo hiểm Viễn Đông có thể từ chối hoặc giảm số tiền bồi thường nếu nhận được nội dung kê khai thiếu trung thực).

Tên Chủ xe
 Địa chỉ liên hệ
 Điện thoại bàn Điện thoại di động:
 Họ tên lái xe
 Giấy phép lái xe số Hạng:
 Địa chỉ của lái xe
 Điện thoại bàn Điện thoại di động:
 Biển số xe bị tai nạn:
 Nhân hiệu/loại xe Năm sản xuất:

(Trường hợp có nhiều giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS khác nhau, người khai báo phải thông báo đầy đủ trong phần Thông tin khác của tờ Thông báo này).

Giấy CN kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

Hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Giấy CNBH/ HĐBH số: Nơi cấp:

Hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Ngày, giờ xảy ra tai nạn:

Nơi tai nạn:

Tốc độ xe lúc xảy ra tai nạn: km/h

Số người trên xe lúc xảy ra tai nạn: người

Trọng tải hàng hóa trên xe lúc xảy ra tai nạn: tấn

Sau tai nạn xe được lưu giữ tại địa điểm nào và Chủ xe/ lái xe đã xử lý như thế nào cho đến thời điểm khai báo cho Bảo hiểm Viễn Đông:

Cơ quan công an giải quyết tai nạn :

Diễn biến của tai nạn (Mô tả chi tiết và cụ thể quá trình xảy ra tai nạn/ tổn thất):

Nguyên nhân của tai nạn:

- Nguyên nhân của tai nạn:

- Ai / Bên nào là người có lỗi:

- Người / Bên có lỗi đã bồi thường cho Chủ xe/ lái xe chưa? Nếu có, số tiền là bao nhiêu?:

Thông tin khác:

.....
.....
.....

Tình hình thiệt hại:

➢ Về người (bao gồm cả bên thứ ba, nếu có):

.....
.....

➢ Về tài sản (bao gồm cả bên thứ ba, nếu có; nếu là xe ô tô phải ghi rõ biển số xe, họ và tên Chủ xe, địa chỉ, điện thoại, số giấy chứng nhận bảo hiểm, nơi tham gia bảo hiểm):

.....
.....
.....

➢ Người làm chứng (ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại):

.....
.....

➢ Yêu cầu bồi thường và đề xuất khác của Chủ xe:

.....
.....
.....

Cam đoan: Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật và theo sự hiểu biết của tôi. Nếu có gì sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày tháng năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ngày tháng năm 20.....

Chủ xe

Xác nhận của cơ quan hoặc
Chính quyền địa phương

Xác nhận của VASS
Nhận thông báo này vào ... giờ ... phút
ngày ... tháng ... năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3431./2015/QĐ-VASS/TGD ngày 10/12/2015
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông)

I. BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TNDS CỦA CHỦ XE ÔTÔ VƯỢT MỨC BẮT BUỘC

(Đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng VAT)

1. Mức trách nhiệm bảo hiểm

Mức trách nhiệm bảo hiểm TNDS tự nguyện vượt mức bảo hiểm bắt buộc TNDS theo quy định của Bộ Tài chính do Khách hàng tự chọn, nhưng không vượt quá quy định bảng dưới đây:

Hạng mục xe ô tô	Mức trách nhiệm không vượt quá	
Xe ô tô không kinh doanh	Về người	500.000.000 đồng/người/vụ
	Về tài sản	500.000.000 đồng/vụ
	Tổng vụ	5 tỷ đồng/vụ
Xe ô tô kinh doanh, xe chở hàng và các loại xe khác	Về người	150.000.000 đồng/người/vụ
	Về tài sản	500.000.000 đồng/vụ
	Tổng vụ	5 tỷ đồng/vụ

2. Biểu phí

Phí bảo hiểm TNDS tự nguyện vượt mức bắt buộc = (1) + (2)

Với

(1) = Phí BH TNDS tự nguyện vượt mức bắt buộc về người (người thứ ba và hành khách đối với xe kinh doanh vận tải) = Mức BH TNDS vượt mức bắt buộc về người x Tỷ lệ phí BH TNDS tự nguyện về người

(2) = Phí BH TNDS tự nguyện vượt mức bắt buộc về tài sản = Mức TNDS vượt mức bắt buộc về tài sản x Tỷ lệ phí BH TNDS tự nguyện về tài sản

	Loại xe	Tỷ lệ phí BH TNDS tự nguyện về người	Tỷ lệ phí BH TNDS tự nguyện về tài sản
III	Xe ô tô không kinh doanh vận tải		
1	Xe dưới 6 chỗ ngồi	0,35%	0,30%
2	Xe từ 6 đến 11 chỗ ngồi	0,65%	0,55%
3	Xe từ 12 đến 24 chỗ ngồi	1,05%	0,90%
4	Loại xe trên 24 chỗ ngồi	1,50%	1,30%
5	Xe vừa chở người vừa chở hàng (pickup)	0,80%	0,65%

IV	Xe ô tô kinh doanh vận tải		
1	Dưới 6 chỗ ngồi	0,15% x Số chỗ ngồi	0,60%
2	6 chỗ ngồi		0,70%
3	7 chỗ ngồi		0,80%

4	8 chỗ ngồi		0,90%
5	9 chỗ ngồi		1,10%
6	10 chỗ ngồi		1,10%
7	11 chỗ ngồi		1,20%
8	12 chỗ ngồi		1,30%
9	13 chỗ ngồi		1,40%
10	14 chỗ ngồi		1,50%
11	15 chỗ ngồi		1,65%
12	16 chỗ ngồi		1,75%
13	17 chỗ ngồi		1,90%
14	18 chỗ ngồi		2,00%
15	19 chỗ ngồi		2,10%
16	20 chỗ ngồi		2,20%
17	21 chỗ ngồi		2,35%
18	22 chỗ ngồi		2,45%
19	23 chỗ ngồi		2,55%
20	24 chỗ ngồi		2,70%
21	Trên 24 chỗ ngồi		2,80%

V	Xe ô tô chở hàng (xe tải)		
1	Dưới 3 tấn	0,75%	0,55%
2	Từ 3 tấn đến 8 tấn	1,45%	1,10%
3	Trên 8 tấn đến 15 tấn	2,00%	1,50%
4	Trên 15 tấn	2,50%	2,00%
VI	Xe đầu kéo	3,25%	2,60%



Lưu ý:

- Bán bảo hiểm TNDS tự nguyện khi khách hàng đã tham gia phần BH TNDS bắt buộc theo quy định của pháp luật tại VASS, thời hạn bảo hiểm TNDS tự nguyện = thời hạn bảo hiểm TNDS bắt buộc.
- Đối với xe kinh doanh vận tải hành khách, khi khách hàng tham gia bảo hiểm TNDS tự nguyện về người thì đã bao gồm người thứ ba và hành khách trên xe.
- Bảo hiểm TNDS đối với hành khách trên xe chỉ bảo hiểm về người, không bảo hiểm về tài sản.

II. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

(Không chịu thuế giá trị gia tăng_VAT)

$$\text{Phí bảo hiểm} = \text{Số tiền bảo hiểm/Mức trách nhiệm} \times \text{tỷ lệ phí} \times \text{Số người}$$

1. Xe ô tô không kinh doanh vận tải

Mức trách nhiệm bảo hiểm, khách hàng tự chọn nhưng không vượt quá 500.000.000 đồng/người/vụ

MTN/một chỗ ngồi	Từ 10 triệu → 500 triệu
Tỷ lệ phí	0,10%/Người

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải và các loại xe khác

Mức trách nhiệm không vượt quá 150.000.000 đồng/người/vụ

MTN/một chỗ ngồi	Từ 10 triệu → 150 triệu
Tỷ lệ phí	0,10%/Người

III. BẢO HIỂM TNDS CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRÊN XE

(Đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng_VAT)

1. Mức trách nhiệm bảo hiểm theo yêu cầu của chủ xe nhưng tối đa không vượt quá 100.000.000 đồng/tấn.
2. Số tấn hàng hóa được bảo hiểm tối đa là theo trọng tải cho phép của xe, không được bán thấp hơn trọng tải xe.
3. Tỷ lệ phí/năm: 0,80% (bao gồm VAT) của tổng mức trách nhiệm.
4. Phí bảo hiểm = MTN x số tấn x 0,80% (đã bao gồm VAT).
5. Mức miễn thường có khấu trừ: 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm và tối thiểu không thấp hơn 500.000 đồng/vụ.

Tùy theo tình hình thực tế tại địa phương (địa hình, quản lý rủi ro,...), theo đánh giá mức độ tổn thất của từng đối tượng bảo hiểm, Đơn vị có quyền tăng thêm phí so với biểu phí tiêu chuẩn.

